TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hồ Quốc Văn

2.Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thủy T, sinh năm 1993 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp GK, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Võ Công TT (tên gọi khác Tần), sinh năm 1993 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 chị Nguyễn Thủy T trình bày:*

Chị T và anh TT tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 02/3/2015. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh TT

không lo cho gia đình. Chị T và anh TT đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh TT.

Thời gian chung sống, chị T và anh TT có 01 con chung tên Võ Hoàng TTT, sinh ngày 23/4/2014. Khi ly hôn chị T thống nhất để anh TT tiếp tục nuôi dạy cháu TTT, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2021 anh Võ Công TT trình bày:*

Anh thống nhất với phần trình bày của chị T về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh TT thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T. Con chung anh TT yêu cầu nuôi dạy và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị T và anh TT chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc và hiện tại anh chị đã ly thân nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung do anh TT nuôi dạy nên cần giao anh TT tiếp tục nuôi dạy con chung, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định; tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Công TT. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh TT có địa chỉ tại ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh TT nhưng anh TT vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh TT theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 02/3/2021 chị T có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thủy T và anh Võ Công TT tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/3/2015. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị T yêu cầu ly hôn với anh TT. Xét thấy, yêu cầu của chị T là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống chị T và anh TT có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh TT không lo cho gia đình nên anh chị đã ly thân mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh TT vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thủy T và anh Võ Công TT được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Võ Hoàng TTT, sinh ngày 23/4/2014 (giới tính nam). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị T thống nhất giao con chung là cháu TTT cho anh TT tiếp tục nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, cháu TTT là nam, hiện anh TT nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh TT biết yêu cầu của chị T là tự nguyện giao cháu TTT cho anh TT tiếp tục nuôi dạy nhưng anh TT không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu TTT cho anh TT nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, anh TT yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở. Bởi vì, cháu TTT chưa đủ 18 tuổi và hiện anh TT nuôi dạy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành được pháp luật quy định. Vì vậy, cần buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ bản

với số tiền 745.000 đồng/tháng (mức lương cơ bản hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng), kể từ khi án có hiệu lực đến khi cháu TTT đủ 18 tuổi.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Chị T phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Mặt khác, tại đơn xác nhận ngày 16/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận vợ chồng chị T, anh TT không bị ai thưa kiện về nợ tại địa phương, vì vậy Hội đồng không xét là phù hợp.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thủy T phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thủy T và anh Võ Công TT.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thủy T và anh Võ Công TT được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng TTT, sinh ngày 23/4/2014 (giới tính nam) cho anh Võ Công TT tiếp tục nuôi dạy. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu TTT đủ 18 tuổi. Chị T không trực tiếp nuôi dạy cháu Thiên nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4.Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Võ Công TT cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Thủy T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thủy T phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 14 tháng 10 năm 2020 chị T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0011480 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thủy T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị T, anh TT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang